TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH T T H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: **98**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 19 tháng 02 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T T H

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 110 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ **Anh Nguyễn Quang P,** sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 132 Đ B P, phường T A, thành phố H, tỉnh T T H.

+ **Chị Đào Thị Minh L,** sinh năm 1997

Địa chỉ: Số 132 Đ B P, phường T A, thành phố H, tỉnh T T H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 01/02/2024, các bên đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về con chung, tài sản chung và nợ chung khi ly hôn.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang P và chị Đào Thị Minh L thuận tình ly hôn.

1.2.Về con chung: Anh Nguyễn Quang P và chị Đào Thị Minh L công nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang Gia B, sinh ngày 02/7/2017 và Nguyễn Quang Gia H, sinh ngày 18/10/2020. Hiện nay cháu Gia B đang ở với anh P, cháu Gia

H đang ở với chị Lệ. Nay thuận tình ly hôn, theo thỏa thuận của anh P và chị L là giao cháu Nguyễn Quang Gia B cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Gia B trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao cháu Nguyễn Quang Gia H cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Gia H trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3.Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quang P và chị Đào Thị Minh L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4.Về nợ chung: Anh Nguyễn Quang P và chị Đào Thị Minh L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Quang P và chị Đào Thị Minh L mỗi bên phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình. Anh P và chị L đã nộp đủ 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003070 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H nên được khấu trừ, khỏi phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Ủy ban nhân dân phường T A, tp H (số 05, đăng ký ngày 20/01/2017);
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H;
- Lưu Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tú Loan